



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Accredo Asia**

Laboratory: **Accredo Asia Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Accredo Asia**

Organization: **Accredo Asia Co., Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1266**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**

Field: **Chemical; Mechanical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Lê Thanh Tùng**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /01/2026 đến ngày /01/2031**

Địa chỉ/
Address: **Số 28, đường 32, Khu công nghiệp VISIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

No 28- Street 32, VSIP Industrial Park 2A, Vinh Tan Ward, Hồ Chí Minh City

Địa điểm/
Location: **Số 28, đường 32, Khu công nghiệp VISIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

No 28- Street 32, VSIP Industrial Park 2A, Vinh Tan Ward, Hồ Chí Minh City

Điện thoại/ Tel: **0274 6251333**

E-mail: **Info@accredoasia.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1266

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bao bì phức hợp, nhựa Complex packaging, plastic	Xác định dư lượng Toluene <i>Determination of residual Toluene</i>	(0,1 ~ 20) mg/m ²	LB.WI- 91:2024 (Tham khảo/ Ref. ASTM F1884-04(2023))
2.		Xác định độ thấm thấu Oxi <i>Determination of oxygen gas transmission rate</i>	(0,05 ~ 100) cc/m ² .day	LB.WI- 68:2025 (Tham khảo/ Ref. ASTM D3985-24)
3.		Xác định độ thấm thấu hơi nước <i>Determination of water vapor transmission rate</i>	(0,05 ~ 10) g/m ² .day	LB.WI- 69:2025 (Tham khảo/ Ref. ASTM F1249-20)

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bao bì phức hợp, nhựa Complex packaging, plastic	Xác định hệ số ma sát <i>Determination of coefficients of friction</i>	(0,1 ~ 5) N	LB- WI-51:2025 (Tham khảo/ Ref. ASTM D1894-24)
2.		Xác định độ bền tách lớp <i>Determination of bonding strength</i>	(0,1 ~ 100) N	LB- WI- 52:2025 (Tham khảo/ Ref. ASTM D903-98(2025)) ASTM F904-22
3.		Xác định độ bền đường hàn <i>Determination of sealing strength</i>	(0,1 ~ 200) N	ASTM F88/F88M-23
4.		Xác định độ bền đứt <i>Determination of tensile strength</i>	(0,1 ~ 200) N	ASTM D882-18
5.		Xác định độ bền đâm thủng <i>Determination of puncture resistance</i>	(1 ~ 30) N	BS EN 14477:2004
6.		Xác định độ dày màng nhựa <i>Determination of thickness of plastic film</i>	(10 ~ 300) µm	ASTM D6988-21

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1266

Ghi chú/ Note:

- LB-WI-xx:yyyy: Phương pháp thử do PTN xây dựng / *Laboratory developed method*;
- ASTM: *American Society for Testing and Materials*;
- BS EN: *British Standard European Norm*.

Trường hợp Công ty TNHH Accredo Asia cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Accredo Asia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Accredo Asia Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

